

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-PT

Ngày: 28-4-2023.

V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay tiền).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST, ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ủ**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông **Châu Văn C**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

2. Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ứ và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Kim Điền P đều trình bày:*

Vào năm 2015, vợ chồng ông Châu Văn C và bà Ngô Thị H vay của bà Nguyễn Thị Ứ số tiền tổng cộng 65.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 0,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, khi nào cần thì bà Ứ sẽ đòi lại, việc vay có làm giấy nợ do bà H viết và ký tên vào, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 06-10-2015 âm lịch, vay số tiền 45.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 09-10-2015 âm lịch, vay số tiền 20.000.000 đồng.

Sau khi vay thì bà H không đóng lãi cho bà Ứ như đã thỏa thuận nên bà Ứ yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc. Bà H xin gia hạn thêm vài tháng sẽ trả và bà Ứ đồng ý. Tuy nhiên, cho đến nay bà H không đóng lãi cũng không trả nợ gốc. Vì vậy, bà Ứ khởi kiện yêu cầu bà H và chồng là ông Châu Văn C trả số tiền nợ vay và tiền lãi chưa trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà H trả nợ, không yêu cầu ông C, vì bà H là người trực tiếp vay tiền. Cụ thể yêu cầu buộc bà H trả cho bà Ứ số tiền còn nợ vay trong đó: tiền vốn: 60.000.000 đồng là do căn cứ vào lời thừa nhận của bà H và tiền lãi suất: Mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 09-10-2015 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/9/2022 dương lịch là 29.373.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Ngô Thị H trình bày:*

Vào năm 2015 tôi có vay tiền của bà Ứ nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 13/8/2015 âm lịch, vay 8.000.000 đồng, lãi suất 800.000 đồng/ngày, đã trả xong.

Lần 2: Vào ngày 23/8/2015 âm lịch, vay 3.500.000 đồng, lãi suất 35.000 đồng/ngày, đã trả xong.

Lần 3: Vào ngày 10/9/2015 âm lịch, vay 15.000.000 đồng, lãi suất 150.000 đồng/ngày. Tôi đã trả nợ gốc, còn nợ tiền lãi là 28.250.000 đồng, sau đó đã trả 7.800.000 đồng, bà Ứ giảm cho tôi số tiền là 450.000 đồng, nên tôi còn nợ số tiền là 20.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Lần 4: Vào ngày 06/10/2015 âm lịch, vay 45.000.000 đồng, tiền lãi 450.000 đồng/ngày. Vào ngày 07/10/2015 âm lịch, tôi hẹn gặp bà Ứ tại sân banh (sân đá bóng) của huyện M và trả tiền vốn 45.000.000 đồng và tiền lãi là 900.000 đồng, lúc trả tiền có mặt ông Huỳnh Văn T là người chạy xe ôm chở tôi đến sân banh, nhưng do trời mưa nên tôi gói tiền lại rồi đưa cho bà Ứ chứ không có lấy tiền ra và cũng không có nói với ông T là bao nhiêu tiền, vì sao đưa tiền cho bà Ứ. Do trời mưa nên tôi nói với

bà Ứ để sáng hôm sau trả thì bà Ứ không đồng ý, bà Ứ nói nếu để sáng hôm sau trả thì sẽ tính thêm lãi suất một ngày, thấy vậy tôi trả luôn tiền vốn và tiền lãi cho bà Ứ, do mưa nên bà Ứ không có mở tiền ra kiểm tra lại. Hiện nay tôi chỉ còn nợ bà Ứ số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi của lần vay thứ 3, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi dứt nợ và không đồng ý trả lãi.

Số tiền tôi vay giùm cho người khác, nhưng đến nay không nhớ họ tên, địa chỉ, vì thường ngày tôi vay giùm cho nhiều người để đáo hạn vay ở ngân hàng, nên chồng của tôi là ông Châu Văn C không hay biết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Châu Văn C trình bày:* Việc bà H có vay tiền của bà Ứ hay không thì tôi không biết, vì tôi không thường xuyên ở nhà. Bà H cũng không nói với tôi việc nợ vay, tôi không thấy bà H dùng tiền vay để trang trải cho gia đình, nếu bà H tự vay thì tự trả tiền, tôi không đồng ý trả tiền cho bà Ứ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST, ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Ngô Thị H trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ứ tổng số tiền là 89.373.000 đồng (bằng chữ: T1 mười chín triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng), gồm:

- Tiền vốn: 60.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng).

- Tiền lãi tính từ ngày 20/11/2015 đến ngày 23/11/2020 là: 29.373.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Nguyễn Thị Ứ cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà Ngô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị H phải chịu 4.468.650 đồng (bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.407.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008957 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22-9-2022 bị đơn bà Ngô Thị H kháng cáo không đồng ý đối với quyết định của bản án sơ thẩm với lý do hiện nay tôi đã hoàn trả toàn bộ tiền vốn vay cho bà Ừ, nay tôi chỉ còn nợ bà Ừ số tiền lãi là 20.000.000 đồng (hai chục triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Ngô Thị H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Châu Văn C chưa thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Đối với bị đơn ông Châu Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt ông Châu Văn C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện bà Ừ cho rằng bà H là người trực tiếp vay tiền của bà Ừ hai lần tổng cộng là 65.000.000 đồng, cụ thể: Vào ngày 06-10-2015 âm lịch, vay 45.000.000 đồng; Vào ngày 09-10-2015 âm lịch, vay 20.000.000 đồng. Đến nay chưa trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì bà Ừ có cung cấp quyền sở hữu nội dung “ngày mùng 6 tháng 10 âm năm 15. Tôi có nhận số tiền của chị Ừ là 45 triệu đồng. H,

Ngô Thị H” “H có nhận số tiền của chị Ỗ là 20 triệu đồng ngày mùng 9 tháng 10/15 Thứ 6”. Ngoài ra, bà Ỗ còn trình bày: tôi có cho bà H vay nhiều lần, mỗi lần bà H trả xong thì tôi gạch dấu ngang, các lần vay nêu trên do bà H chưa trả nên sổ ghi nợ vẫn giữ nguyên chưa gạch.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà H được xem quyển sổ do bà Ỗ cung cấp và bà H thừa nhận chữ viết có nội dung “ngày mùng 6 tháng 10 15 năm 15. Tôi có nhận số tiền của chị Ỗ là 45 triệu đồng. H, Ngô Thị H” “H có nhận số tiền của chị Ỗ là 20 triệu đồng ngày mùng 9 tháng 10/15 Thứ 6” là chữ viết của bà H. Tuy nhiên, bà H cho rằng số tiền vay 45.000.000 đồng bà đã trả xong vào ngày 07/10/2015 âm lịch tại sân đá banh huyện M, do trời mưa nên khi trả tiền bà Ỗ chưa đưa sổ để gạch bỏ. Ngoài ra, bà H cho rằng do chỗ quen biết bà có vay của bà Ỗ nhiều lần, khi trả xong thì bà Ỗ có gạch sổ, hiện nay bà chỉ còn nợ bà Ỗ 20.000.000 đồng.

[2.3] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bà H đã thừa nhận là vào mùng 6-10-2015 có vay của bà Ỗ 45.000.000 đồng và ngày 09-10-2015 vay của bà Ỗ 20.000.000 đồng, lời thừa nhận của bà H phù hợp với tài liệu chứng cứ là quyển sổ do bà Ỗ cung cấp tại phiên tòa, số tiền vay này bà H tự viết vào quyển sổ giao cho bà Ỗ cất giữ, số tiền vay này chưa được gạch sổ để chứng minh cho việc bà H đã trả xong. Việc bà H cho rằng bà đã trả cho bà Ỗ số tiền 45.000.000 đồng tại sân banh huyện M, nhưng ngoài lời trình bày này thì bà H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thực tế bà đã trả cho bà Ỗ số tiền 45.000.000 đồng tại sân banh. Ngoài ra, bà H còn vay của bà Ỗ nhiều lần khác, khi trả xong bà Ỗ gạch dấu chéo vào quyển sổ do bà Ỗ cất giữ. Do tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Ỗ yêu cầu buộc bà H trả cho bà Ỗ 60.000.000 đồng, nên bản án sơ thẩm đã xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ỗ, buộc bị đơn bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Ỗ số tiền nợ vay vốn gốc là 60.000.000 đồng là có căn cứ và có lợi cho bà H, đồng thời bản án sơ thẩm xem xét buộc bà H có nghĩa vụ trả tiền lãi vay chưa trả là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cụ thể tiền lãi vay được tính như sau:

- Ngày 20/11/2015 đến ngày 31/12/2016 là 01 năm 01 tháng 11 ngày, được tính lãi theo Bộ luật Dân sự năm 2005, tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật này quy định trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Thời điểm này lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố là 9%/năm, nên lãi là 6.012.739 đồng.

- Từ ngày 01/01/2017 là ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nên lãi được tính theo quy định của Bộ luật này, do các bên có tranh chấp về lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ, tức là không vượt quá 10%/năm của khoản tiền vay. Thời gian được tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày bà Ỗ làm đơn khởi kiện 23/11/2020, là 23.361.643 đồng.

Tiền lãi tổng cộng là 29.373.000 đồng.

[2.4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Ngô Thị H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST, ngày 07-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Ngô Thị H trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ỗ tổng số tiền là 89.373.000 đồng (tám mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng), gồm:

- Tiền vốn: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).
- Tiền lãi là: 29.373.000 đồng (hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Nguyễn Thị Ỗ cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà Ngô Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Ngô Thị H phải chịu 4.468.650 đồng (bốn triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.407.000 đồng (hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008957 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005186 ngày 22-9-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương